

Số: 1103a/2021/CV-TĐ

V/v giải trình chênh lệch lợi nhuận BTC hợp
nhất năm 2020 so với năm 2019.

Hưng Yên, ngày 14 tháng 03 năm 2021

GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2020**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Thuận Đức (Mã chứng khoán TDP) xin gửi lời chào trân trọng tới Quý cơ quan!

Căn cứ:

- Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Thuận Đức.

Công ty chúng tôi xin giải trình với Quý cơ quan về sự biến động doanh thu và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2020 so với năm 2019 như sau:

CHỈ TIÊU	Kỳ		Chênh lệch	
	Năm 2020	Năm 2019	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.375.843.766.627	1.196.748.653.060	179.095.113.567	15%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	142.208.050	-	142.208.050	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.375.701.558.577	1.196.748.653.060	178.952.905.517	15%
4. Giá vốn hàng bán	1.138.205.853.879	1.005.757.483.863	132.448.370.016	13%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	237.495.704.698	190.991.169.197	46.504.535.501	24%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	8.567.160.470	2.976.317.549	5.590.842.921	188%
7. Chi phí tài chính	82.909.715.146	51.534.348.958	31.375.366.188	61%
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	-	-	-	
9. Chi phí bán hàng	21.669.318.830	27.211.302.783	-5.541.983.953	-20%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44.135.691.520	36.122.779.898	8.012.911.622	22%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	97.348.139.672	79.099.055.107	18.249.084.565	23%
12. Thu nhập khác	484.938.641	1.777.587.348	-1.292.648.707	-73%
13. Chi phí khác	2.568.701.363	3.315.859.113	-747.157.750	-23%
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	-2.083.762.722	-1.538.271.765	-545.490.957	35%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	95.264.376.950	77.560.783.342	17.703.593.608	23%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.032.537.029	16.090.328.018	7.942.209.011	49%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-1.476.338.331	-420014306,2	-1.056.324.025	0%
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	72.708.178.252	61.890.469.630	10.817.708.622	17%
19. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	72.708.178.252	61.890.469.630	10.817.708.622	17%
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.360	1.454	-94	-6%



1. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020 so với năm 2019 tăng 10,8 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 17% cụ thể do những nguyên nhân sau đây.

2. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất năm 2020 tăng so với năm 2019 với giá trị là 179 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 15% nhưng giá vốn hàng bán chỉ tăng 132,4 tỷ đồng tương ứng 13% làm lợi nhuận gộp tăng tương ứng 46,5 tỷ đồng (24% so với năm trước) là tác động lớn tới lợi nhuận sau thuế.

3. Doanh thu hoạt động tài chính hợp nhất năm 2020 so với năm 2019 tăng với giá trị 5,5 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 188%.

4. Chi phí bán hàng giảm đi 5,5 tỷ tương ứng 20% năm trước. Chi phí tài chính và chi phí quản lý đều tăng so với năm trước lần lượt là 31,3 tỷ và 8 tỷ tương ứng với tỷ lệ là 61% và 22%.

Trong năm 2020 thị trường kinh doanh nội địa tăng trưởng nhiều, doanh số bán hàng bao bì nội địa thức ăn chăn nuôi và nông sản tăng trưởng tại công ty con; thị trường xuất khẩu túi siêu thị shopping bag có sự sụt giảm do đại dịch COVID-19 so với cùng kỳ.

Trên đây là ý kiến giải trình của Công ty Cổ phần Thuận Đức về chênh lệch doanh thu lợi nhuận hợp nhất năm 2020 so với năm 2019.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban Tổng Giám đốc
- UBCKNN;
- Lưu VT. TCCB (T)

TM. CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Tổng giám đốc



Nguyễn Kim Anh

